

Phú Cường, ngày 22 tháng 9 năm 2023

Số: 20/BC-THND

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2022-2023

Định hướng công tác 3 công khai năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2282/PGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT và các quy định thực hiện công khai trong công tác quản lý trường học năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện quy chế công khai Trường Tiểu học Nguyễn Du báo cáo kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2022-2023 và định hướng công tác 3 công khai năm học 2023-2024 như sau:

Phần thứ nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2022-2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình học sinh

Khối 1: 159; Khối 2: 170; Khối 3: 140; Khối 4: 176; Khối 5: 192

Tổng cộng: 837

2. Chất lượng đội ngũ

2.1. Ban giám hiệu

- Hiệu trưởng: Chuyên môn: Đại học, Quản lý: thạc sĩ QLGD; Lý luận chính trị: Trung cấp;

+ Phó Hiệu trưởng: Chuyên môn: Đại học; Quản lý: Bồi dưỡng QLGD; Lý luận chính trị: Trung cấp

2.2. Nhà giáo

- Tổng số CB-GV-NV: 44/33 nữ (hợp đồng ngắn hạn 2 người), trong đó:

+ BGH: 02/1 nữ;



+ GVDL: 33/27 nữ, (GV dạy lớp: 24/21 nữ, GV dạy Mỹ thuật: 1/0 nữ, GV dạy Tin học: 1/1 nữ, GV dạy Âm nhạc: 2/1 nữ, GV dạy Thể dục: 2/2 nữ, GV dạy Tiếng Anh: 3/2 nữ, trong đó có 1 GV TA hợp đồng 5 tháng).

2.3. Nhân viên

+ NVHC: 9/5 nữ (Thiết bị: 1/0 nữ, Thư viện: 1/1 nữ, Kế toán: 2/2 nữ, trong đó có 1 kế toán hợp đồng ngắn hạn, Bảo vệ: 3/0 nữ, Phục vụ: 2/2 nữ)

3. Cơ sở vật chất

- Xuống cấp và hư hỏng nhiều.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 03 CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022-2023

1. Kết quả

1.1. Việc thực hiện Biểu mẫu và cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022-2023: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo thực hiện, yêu cầu về thái độ học tập của người học, các hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học, ... thực hiện theo Biểu mẫu 05.

- Nhà trường xét tuyển 150 học sinh lớp một, xét tuyển trực tuyến theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục tuyển sinh theo địa bàn cư trú.

- Chương trình giáo dục: thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được bộ ban hành theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006; và Chương trình giáo dục Phổ thông năm 2018 đối với lớp 1,2,3.

- Nhà trường và gia đình đã phối hợp tốt trong việc giáo dục đạo đức học sinh.

- Tăng cường công tác phòng, chống dịch covid-19, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, trải nghiệm cho học sinh.

- Thành lập và tổ chức thực hiện tổ tư vấn học đường có hiệu quả.

1.2. Việc thực hiện Biểu mẫu về công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường

Công khai chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh năng khiếu, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học, số học sinh lên lớp, có phân biệt theo các khối lớp thực hiện theo Biểu mẫu 06 và tổng hợp kết quả các lần kiểm tra định kỳ.

1.3. Việc thực hiện Biểu mẫu về công khai thông cơ sở vật chất của nhà trường

Công khai về cơ sở vật chất: diện tích, thiết bị dạy học, máy tính, ... thực hiện theo Biểu mẫu 07.

1.4. Việc thực hiện Biểu mẫu về công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của nhà trường

Công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên thực hiện theo Biểu mẫu 08.

2. Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện 03 công khai của trường

2.1. Thời điểm công khai

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng công khai theo định kì: tháng 9 (đầu năm học) – Học kì I (cuối tháng 12) và cuối năm học (cuối tháng 5).

- Công khai tài chính nguồn ngân sách nhà nước theo định kì hàng quý

- Công khai các khoản tiền ăn, phục vụ bán trú, phí buổi hai định kì hàng tháng.

- Các công khai khác: nâng lương, mua sắm, ... theo thời điểm thực hiện.

3.2. Hình thức công khai

Các biểu mẫu công khai được đăng tải trên trang thông tin nhà trường và niêm yết bảng công khai, nội dung công khai đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Mức thu khác tiền ăn, phục vụ bán trú, phí buổi hai, ngoài việc công khai phiên họp hội đồng, được niêm yết bảng thông báo ngoài cổng trường, bảng công khai và được giáo viên tiếp thu triển khai trong hội nghị cha mẹ học sinh.

*** Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện công khai**

Nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế công khai. Việc công khai rõ ràng, đầy đủ chính xác, tạo sự đồng thuận trong tập thể nhà trường và phụ huynh.

PHẦN THỨ II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC 03 CÔNG KHAI CỦA TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát tình hình nhà trường đầu năm

a. Tình hình học sinh

- Học 2 buổi/ ngày: 100%.

- Học Tin học: Tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 5

- Học Tiếng Anh: Học sinh toàn trường



- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào trường vào lớp 1

Khối	Đầu năm			C.Đến		C.Đi		K tậ		D Tộc	
	Số lớp	Số HS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ
Một	4	140	78	0	0	0	0	0	0	1	1
Hai	4	145	62	1	0	9	3	0	0	1	0
Ba	5	172	88	5	1	2	2	0	0	2	1
Bốn	4	143	77	6	4	2	0	0	0	2	1
Năm	5	176	84	3	3	3	3	0	0	1	0
Cộng	22	776	389	15	8	16	8	0	0	7	3

b. Chất lượng đội ngũ

* Ban giám hiệu

- Hiệu trưởng: Chuyên môn: Đại học, Quản lý: thạc sĩ QLGD; Lý luận chính trị: Trung cấp;

+ Phó Hiệu trưởng: Chuyên môn: Đại học; Quản lý: Bồi dưỡng QLGD; Lý luận chính trị: Trung cấp

* Nhà giáo

- Tổng số giáo viên dạy lớp: 30/26 nữ (GVCN: 23/21 nữ; GVBM: 7/5 nữ)

+ Trình độ chuyên môn: Đại học: 30/26 nữ

+ Hiện còn thiếu 03 giáo viên, gồm có: 01 giáo viên Tiếng Anh, 01 giáo viên Tin học (CNTT); 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội.

* Nhân viên

Tổng số nhân viên: 8/4 nữ (Kế toán: 01/1 nữ; Thiết bị: 01; Thư viện: 01/1 nữ; Bảo vệ: 03; Phục vụ: 02/2 nữ).

+ Trình độ chuyên môn: Trung cấp: 02/2 nữ; Đại học: 01/0 nữ; Chưa qua đào tạo: 05/2 nữ).

+ Thiếu 01 nhân viên y tế, 01 Văn thư

2. Tình hình công khai đầu năm học 2023-2024

a. Nội dung công khai

- Đã tiến hành công khai theo 04 biểu mẫu: 05; 06; 07; 08 trong tháng 9 năm 2023.

- Công khai tuyển sinh năm học 2023-2024.

- Công khai tài chính: các khoản thu - chi năm học 2022-2023 phí dạy buổi 2, phí phục vụ bán trú, tiền ăn học sinh trong Hội nghị cha mẹ học sinh đầu năm 2023-2024.

- Công khai bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 về việc thu, chi phí dạy buổi 2, phí phục vụ bán trú, tiền ăn học sinh năm học 2023-2024.
- Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 3 năm 2023.

b. Hình thức công khai

- Niêm yết thông báo, bảng công khai.
- Đăng trang website.

III. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023-2024

1. Mục tiêu thực hiện 03 công khai

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục để người học các thành viên trong nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Nội dung thực hiện công khai

* Thực hiện công khai đối với nhà trường áp dụng theo nội dung quy định tại khoản 3 điều 5 của quy chế công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (biểu mẫu 5&6

- Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (biểu mẫu 7&8).

- Công khai thu chi tài chính:

- Thực hiện như quy định tại điểm a, b, c, của khoản 3, Điều 5 của Quy chế công khai theo thông tư 36,

- Thu, chi phí buổi 2 và các khoản thu phục vụ bán trú, tiền ăn theo tháng.

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

* Thực hiện công khai theo thông tư số 61/ 2017 /TT- BTC ngày 15/6/2017.

Công khai khoản 1; 2; 3 điều 3 của thông tư 61 gồm biểu mẫu 2, biểu mẫu 3, biểu mẫu 4.

3. Các giải pháp thực hiện

Trường ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai năm học trước và kế hoạch thực hiện công chế công khai năm học tiếp theo cho cơ quan quản lý giáo dục cấp trên chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra (Quy định tại điều 10 của Quy chế công khai) và cơ quan chủ quản trước ngày 30/9 hàng năm.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường (Quy định tại Điều 10 của Quy chế).

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 05 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì và tổ chức kiểm tra bằng hình thức sau đây:

Công khai trong cuộc họp hội đồng CB-GV-NV nhà trường.

Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho CBGVNV và cha mẹ học sinh, phụ huynh nhân dân theo dõi, xem xét việc thực hiện Quy chế công khai của nhà trường.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2022-2023 và Phương hướng công tác 3 công khai năm học 2023-2024 theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Trường Tiểu học Nguyễn Du./.

Nơi nhận:

- PGDĐT (b/c);
- Các thành viên BCD (t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Phủ Cường, ngày 22 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy chế 3 công khai năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT- BGDDT của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1211/PGDDT ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Phòng Giáo Dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT- BGDDT;

Thực hiện Công văn số 2282/PGDDT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDDT và các quy định thực hiện công khai trong công tác quản lý trường học năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo;

Trường Tiểu học Nguyễn Du xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai tại cơ sở giáo dục, năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Thực hiện công khai để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.
- Thông tin được công khai tại của nhà trường phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

II. Nội dung thực hiện công khai

Thực hiện công khai đối với nhà trường áp dụng theo nội dung quy định tại khoản 3 điều 5 của quy chế công khai theo thông tư 36/2017.

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

Thực hiện công khai đối với nhà trường áp dụng theo nội dung quy định tại khoản 3 điều 5 của quy chế công khai theo thông tư 36/2017.



- Cam kết chất lượng giáo dục thực hiện theo Biểu mẫu 05.

- Chất lượng giáo dục thực tế thực hiện theo Biểu mẫu 06.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất thực hiện theo Biểu mẫu 07.

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên thực hiện theo Biểu mẫu 08.

3. Công khai thu chi tài chính

- Thực hiện như quy định tại điểm a, b, c, của khoản 3, Điều 5 của Quy chế công khai theo Thông tư 36,

- + Mức thu học phí buổi 2 và các khoản thu phục vụ bán trú, tiền ăn theo từng tháng

- + Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

- Thực hiện công khai theo thông tư số 61/ 2017 /TT- BTC ngày 15/6/2017

Công khai theo khoản 1; 2; 3 điều 3 của Thông tư 61 gồm biểu mẫu 2, biểu mẫu 3, biểu mẫu 4.

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

- Công khai trên website của nhà trường.

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Công khai trong các kỳ đại hội, họp ban đại diện CMHS, sơ kết, tổng kết năm học.

2. Thời điểm công khai

- Công khai vào đầu năm học, khi kết thúc năm học, đầu năm (công khai tài sản) đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Công khai khi kết thúc năm học (tháng 6).

- Khi công khai có biên bản công khai, biên bản tháo dỡ công khai và báo cáo cấp trên quản lý.

IV. Giải pháp và tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng tổ chức triển khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của BGDĐT đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

2. Ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế công khai của đơn vị.

3. Hiệu trưởng có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

5. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản (nếu có) trước 30 tháng 9 hằng năm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường Tiểu học Nguyễn Du năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:

- PGDĐT (b/c);
- Các thành viên BCD (t/h);
- Thông báo HĐ;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Huyền



Số: 208 /QĐ-THND

Phủ Cường, ngày 22 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường
theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học ban hành kèm Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào thực hiện năm học 2023-2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường năm học 2023-2024 theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT gồm các ông (bà) có tên sau: *(Có danh sách kèm theo).*

Điều 2: Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ, chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo đúng quy định của thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

Nhiệm vụ của các thành viên do Trường ban phân công.

Điều 3: Các bộ phận văn phòng, Tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm các lớp và các ông (bà) có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1 (T/h) ;
- Lưu



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023-2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 208/QĐ-THND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Du)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Trí Dũng	PBT chi bộ - P.Hiệu trưởng	Phó trưởng ban
3	Bà Vũ Thị Xuân Hà	Tổ trưởng VP	Thư ký
4	Bà Phạm Thị Phương Lan	Chủ tịch CĐCS	Thành viên
5	Bà Vũ Thị Thương	Kế toán	Thành viên
6	Ông Trần Minh Tâm	Trưởng ban TTND	Thành viên
7	Bà Kiều Thị Vân Thúy	TT Khối 1	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	TT Khối 3	Thành viên
9	Bà Nguyễn Kim Cúc	TT Khối 5	Thành viên
10	Bà Nguyễn Liên Hiệp	TT tổ An văn – Tin học	Thành viên
11	Bà Trương Thanh Hằng	Trưởng ban Đại diện CMHS	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 thành viên)



PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế 3 công khai Năm học 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 208/QĐ-THND, ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng
Trường Tiểu học Nguyễn Du)

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-THND, ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Nguyễn Du về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 và thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban chỉ đạo như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền (Hiệu trưởng - Trưởng ban): Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư: 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT đến tất cả toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường.

2. Ông Nguyễn Trí Dũng (Phó hiệu trưởng - Phó trưởng ban): Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu. Phụ trách chính nội dung 1, công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục giáo dục thực tế (biểu mẫu 06). Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho Cha mẹ học sinh.

3. Bà Vũ Thị Xuân Hà (Tổ trưởng VP – Thư ký): tổng hợp các biểu mẫu công khai; ghi biên bản niêm yết, Phụ trách chính việc niêm yết, kết thúc công khai theo quy định.

4. Bà Phạm Thị Phương Lan (Chủ tịch CĐCS): Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông tin trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Bảng tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo cho Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường. Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho Cha mẹ học sinh và các thành viên thuộc khối 2.

5. Bà Vũ Thị Thương (Kế toán - Thành viên): Phụ trách chính nội dung 3 công khai thu, chi tài chính.

6. Ông Trần Minh Tâm (Trưởng ban TTND - Thành viên): Phụ trách chính việc kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch, Quy chế công khai trong nhà trường theo quy định.

7. Bà Kiều Thị Vân Thúy (Tổ trưởng Tổ khối 1 - Thành viên): Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho Cha mẹ học sinh và các thành viên thuộc khối 1.

8. Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc (Tổ trưởng Tổ khối 3 - Thành viên): Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho Cha mẹ học sinh và các thành viên thuộc khối 3,4.



9. Bà Nguyễn Kim Cúc (Tổ trưởng Tổ khối 5 - Thành viên): Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho Cha mẹ học sinh và các thành viên thuộc khối 5.

10. Bà Nguyễn Thị Liên Hiệp (Tổ trưởng Tổ AV, TH - Thành viên): Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho các thành viên thuộc 2 tổ bộ môn.

11. Bà Trương Thanh Hằng (Trưởng ban Đại diện CMHS - Thành viên): Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho Cha mẹ học sinh trong toàn trường.

Yêu cầu các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; chủ động liên hệ, trao đổi giữa các thành viên trong Ban chỉ đạo, xin ý kiến của đồng chí Trưởng ban để thống nhất nội dung công việc nhằm thực hiện tốt Quy chế công khai trong nhà trường đúng quy định./.

Biểu mẫu 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT TP. THỦ ĐÀU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học,
Đầu năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1 Sĩ số: 140	Lớp 2 Sĩ số: 145	Lớp 3 Sĩ số: 172	Lớp 4 Sĩ số: 143	Lớp 5 Sĩ số: 146
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi	Hoàn thành chương trình Lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4	Hoàn thành chương trình lớp 5
		- Luật này quy định chế độ phổ cập giáo dục tiểu học. Nhà nước thực hiện chính sách phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc từ lớp 1 đến hết lớp 5 đối với tất cả trẻ em Việt Nam trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi. - Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. - Trẻ có xác nhận nơi cư trú tại phường Phú Cường và phân khu tuyển sinh theo thống nhất phân bổ của UBND phường.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Lớp 1,2,3,4 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. - Lớp 5 Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006. - Thực hiện 35 tuần/năm học.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	- Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học(đối với lớp 5) - Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định giá học sinh tiểu học đối với học sinh lớp 1,2,3,4.				

		- Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua số liên lạc; thư điện tử; qua phần mềm, gọi điện thoại; gặp trực tiếp... - Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm.
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ. - Xây dựng tình bạn đẹp, Lớp học hạnh phúc, Học sinh yêu thương. - Thực hiện mô hình trường học thông minh.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: tháng An toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội giao lưu: Viết đúng viết đẹp, Đồ vui để học, Trò chơi dân gian ... - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 98 % - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - 100 % học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của HS	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ sức để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thăm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

Phủ Cường, ngày 15 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Biểu mẫu 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế,
cuối năm học 2022 -2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	837	159	170	140	176	192
II	Số học sinh	469 56,03%	159	170	140	0	0
	học 2 buổi/ngày						
	(tỷ lệ so với tổng số)		100%	100%	100%		
III	Số học sinh chia theo phẩm chất						
1	(Yêu nước)	837	159	170	140	176	192
	(tỷ lệ so với tổng số)						
	Tốt		122 76,7	133 78,2	130 92,9		
	Đạt		34 21,4	37 21,8	10 7,1		
	Chưa đạt		3 1,9	0	0		
2	(Nhân ái)	837	159	170	140	176	192
	Đoàn kết, yêu thương						
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
	Tốt	86,9	129 81,1	129 75,9	121 86,4	157 89,2	191 99,5
	Đạt	13,1	30 18,9	41 24,1	19 13,6	19 10,8	1 0,5
	Chưa đạt		0	0	0	0	0
3	(Chăm chỉ)	837	159	170	140	176	192
	Chăm học, chăm làm						
	(tỷ lệ so với tổng số)						
	Tốt	77,1	114 71,7	139 81,8	111 79,3	123 69,9	159 82,8
	Đạt	22,5	42 26,4	31 18,2	29 20,7	53 30,1	33 17,2
	Chưa đạt	0,4	3	0	0	0	0



			1,9				
4	(Trung thực) Trung thực, kỷ luật (tỷ lệ so với tổng số)	837	159	170	140	176	192
	Tốt	83,9	116 73,0	139 81,8	121 86,4	142 80,7	184 95,8
	Đạt	16,1	43 27,0	31 18,2	19 13,6	34 19,3	8 4,2
	Chưa đạt		0	0	0	0	0
5	(Trách nhiệm) Tự tin, trách nhiệm (tỷ lệ so với tổng số)	837	159	170	140	176	192
	Tốt	78,9	115 72,3	129 75,9	110 78,6	133 75,6	173 90,1
	Đạt	21,1	44 27,7	41 24,1	30 21,4	43 24,4	19 9,9
	Chưa đạt		0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo năng lực						
1	(Ngôn ngữ) (Tỉ lệ so với tổng số)	837	159	170	140	176	192
	Tốt		118 74,2	124 73,0	121 86,4		
	Đạt		39 24,5	46 27,0	19 13,6		
	Chưa đạt		2 1,3	0	0		
2	(Tính toán) (Tỉ lệ so với tổng số)	837	159	170	140	176	192
	Tốt		113 71,1	113 66,5	113 80,7		
	Đạt		44 27,7	57 33,5	27 19,3		
	Chưa đạt		2 1,2	0	0		
3	(Khoa học) (Tỉ lệ so với tổng số)	837	159	170	140	176	192
	Tốt		105 66,0	108 63,5	117 83,6		
	Đạt		51 32,1	62 36,5	23 16,4		
	Chưa đạt		3 1,9	0	0		
4	(Thẩm mĩ)	837	159	170	140	176	192
	Tỉ lệ so với tổng số						
	Tốt		113	122	117		

			71,1	71,8	83,6		
	<i>Đạt</i>		43 27,0	48 28,2	23 16,4		
	<i>Chưa đạt</i>		3 1,9	0	0		
5	(Tự chủ và tự học) Tự phục vụ và tự quản <i>3(tỷ lệ so với tổng số)</i>	837	159	170	140	176	192
	<i>Tốt</i>	77,1	107 67,3	126 74,1	116 82,9	135 76,7	162 84,4
	<i>Đạt</i>	22,5	49 30,8	44 25,9	24 17,1	41 23,3	30 15,6
	<i>Chưa đạt</i>	0,4	3 1,9	0	0	0	0
6	(Giao tiếp hợp tác) Hợp tác <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	837	159	170	140	176	192
	<i>Tốt</i>	77,1	107 67,3	109 64,1	118 84,3	138 78,4	174 90,6
	<i>Đạt</i>	22,5	49 30,8	61 35,9	22 15,7	38 21,6	18 9,4
	<i>Chưa đạt</i>	0,4	3 1,9	0	0	0	0
7	(Giải quyết vấn đề, sáng tạo)) Tự học giải quyết vấn đề <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	837	159	170	140	176	192
	<i>Tốt</i>	74,4	109 68,6	104 61,2	116 82,9	129 73,3	165 86,0
	<i>Đạt</i>	25,2	47 29,6	66 38,8	24 17,1	47 26,7	27 14,0
	<i>Chưa đạt</i>	0,4	3 1,9	0	0	0	0
8	(Thẻ chất) <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	837	159	170	140	176	192
	<i>Tốt</i>		116 73,0	128 75,3	124 88,6		
	<i>Đạt</i>		42 26,4	42 24,7	16 11,4		
	<i>Chưa đạt</i>		1 0,6	0	0		
V	Kết quả đánh giá học sinh	837	159	170	140	176	192
1	Hoàn thành xuất sắc <i>(tỉ lệ so với tổng số</i>	192	61 38,4	73 43,0	58 41,4	0	0
2	Hoàn thành tốt <i>(tỉ lệ so với tổng số)</i>	174	0	0	0	64 36,4	110 57,3

3	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	459	89	96	80	112	82
		54,8	56,0	56,5	57,2	63,6	42,7
4	Chưa hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	12	9	1	2	0	0
		1,4	5,6	0,5	1,4		
VI	Khen thưởng cuối năm	837	159	170	140	176	192
1	HS hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ học tập và rèn luyện. (<i>Học sinh xuất sắc</i>)	366	61	73	58	64	110
		43,7	38,4	43,0	41,4	36,4	57,3
2	Học sinh tiêu biểu	0	0	0	0	0	0
3	HS có thành tích vượt trội được giáo viên giới thiệu, tập thể lớp công nhận	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Phẩm chất, năng lực trong ngoặc đánh giá học sinh lớp 1,2,3 theo thông tư 27/2020/ TT-BGĐT

Phú Cường, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Biểu mẫu 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT TP THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học
Đầu năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Diện tích
I	Số phòng học/số lớp	27	1.4 m2/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	27	
2	Phòng học bán kiên cố	00	
3	Phòng học tạm	00	
4	Phòng học nhờ, mượn	00	
III	Số điểm trường lẻ	00	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	2790	15 m2
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1079	3,6 m2
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1056	48 m ² /phòng
2	Diện tích thư viện (m ²)	75 m ²	- 1 phòng thư viện - 1 phòng đọc HS & GV dùng chung
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất (nhà đa năng)(m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	Mỹ thuật
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	96	48 m ² /phòng
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	96	48 m ² /phòng
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống (m ²)	40	
10	Diện tích phòng hoạt động Đội (m ²)		Dùng chung văn phòng
11	Diện tích phòng Hội đồng	60 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	6	1 bộ/lớp (TB Cũ)



		5	1 bộ lớp (TB Mới)
1.2	Khối lớp 2	5	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	5	1 bộ/lớp (TB Cũ)
1.4	Khối lớp 4	6	1 bộ/lớp (TB Cũ)
1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	24 cái đã hỏng sửa chữa nhiều
2	Cát xét	2	
3	Dầu Video/dầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Nhạc cụ		
6	Bảng tương tác thông minh	1	đã hỏng sửa chữa nhiều
7	Máy chiếu cự ly gần	2	
8	Laptop	1	đã hỏng sửa chữa nhiều
9	Đàn organ Yamaha		
10	Âm thanh sân khấu	1	đã hỏng sửa chữa nhiều
11	Máy tính bàn phục vụ hành chính	6	
11	Máy in	05	Hỏng 02
12	Âm ly , loa, hệ thống có dây cầm		
13	Màn chiếu	02	
14	Hệ thống âm thanh phục vụ tiếng Anh	01	22 phòng
15	Máy photo văn phòng	02	đã hỏng sửa chữa nhiều
16	Máy photo siêu tốc in đề thi	01	đã hỏng sửa chữa nhiều
17	Hệ thống lao di động và microfon cho giáo viên	04	cái

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	1

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	22 phòng/ 56,24m ²	900	1.4 m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	4	8
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Phủ Tân, ngày 15 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Biểu mẫu 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Đầu năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39		1	32		1	5	1	1	32	31	1		
I	Giáo viên	30			30					1	29	29	1		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:DL	23			23					1	22	23			
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	2			2						2	2			
3	Tin học	1			1						1		1		
4	Âm nhạc	1			1						1	1			
5	Mỹ thuật	1			1						1	1			
6	Thể dục	2			2						2	2			
II	Cán bộ quản lý	2		1	1						2	2			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	7			1		1	5	1		1				
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thiết bị	1			1						1				
6	Nhân viên thư viện	1					1		1						
7	TPT Đội														
8	BV-PV	5						5							

Phủ Cưng, ngày 15 tháng 9 năm 2023



HỌ TÊN

Nguyễn Thị Thanh Huyền